TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TÂN PHÚ** TỈNH ĐỒNG NAI	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 23/2019/HNGĐ-ST
Ngày 15/5/2019
V/v "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN PHÚ, TỈNH ĐỒNG NAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Võ Kim Đính;
Các Hội thẩm nhân dân: Ông Phạm Công Gia, ông Nguyễn Quang Chung.

- Thư ký phiên tòa: Ông Đoàn Văn Năng là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Tân Phú, *tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa:* Ông Phạm Hữu Huỳnh là Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 5 năm 2019 tại Tòa án nhân dân huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai; xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 475/2018/TLST-HNGĐ ngày 12 tháng 12 năm 2018, về việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con"; theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 03/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 27 tháng 3 năm 2019, quyết định hoãn phiên tòa số 11/2019/QĐST-HNGĐ ngày 24/4/2019, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Ká Th, sinh năm 19...;
Địa chỉ cư trú tại Tổ ..., Ấp ..., xã Tà Lài, huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai.
- *Bị đơn*: Lâm Văn C, sinh năm 19...;
Nơi cư trú tại Tổ ..., Ấp ..., xã Tà Lài, huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai.

(Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Đơn khởi kiện ngày 06/12/2018 và lời khai trong thời gian chuẩn bị xét xử vụ án, nguyên đơn trình bày:*

Nguyên đơn và bị đơn đã đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân xã Tà Lài huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai năm 2011. Vợ chồng sống hạnh phúc đến năm 2015 có những mâu thuẫn vợ chồng, nguyên nhân do bị đơn đi lao động làm thuê có tình cảm tình yêu một người phụ nữ khác. Từ tháng 12 năm 2018 vợ chồng không còn sống chung đến nay;

Các đương sự có 02 người con là K' Gia K, sinh ngày ... và K' Gia H..., sinh ngày .... Nguyên đơn yêu cầu được nuôi các con, không yêu cầu bị đơn phải cấp dưỡng nuôi các con;

Vợ chồng không có nợ chung, tài sản chung không có tranh chấp không yêu cầu Hội đồng xét xử giải quyết;

Do vợ chồng không còn tình nghĩa, nguyên đơn yêu cầu được ly hôn.

** Tại bản tự khai ngày 26/3/2019, bị đơn trình bày:*

Lời trình bày của nguyên đơn về hôn nhân, con, tài sản chung, nợ chung là đúng sự thật. Bị đơn và nguyên đơn tự nguyện kết hôn, có đăng ký kết hôn năm 2011. Vợ chồng sống hạnh phúc đến đầu năm 2018 có những mâu thuẫn do bị đơn có quen người phụ nữ khác. Đến tháng 12 năm 2018 nguyên đơn về nhà cha mẹ đẻ sinh sống đến nay;

Các đương sự có hai người con nêu trên, bị đơn không có ý kiến đối với yêu cầu của nguyên đơn về người trực tiếp nuôi dưỡng các con; bị đơn vẫn còn tình cảm vợ chồng với nguyên đơn, không đồng ý ly hôn.

** Kiểm sát viên phát biểu ý kiến như sau:*

- Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa, người tham gia tố tụng đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về quan điểm giải quyết vụ án:

Căn cứ Điều 51, 56, 81, 82, 83, 131 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 28 khoản 1; Điều 35, 39, 147, 203, 205, 227 khoản 1 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội;

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Cho Ká Th được ly hôn với Lâm Văn C; về con giao cho Ká Th nuôi dưỡng các con, Lâm Văn C không phải cấp dưỡng nuôi con; Ká Th phải nộp 300.000 đồng án phí sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa.

[1] Về thủ tục tố tụng:

Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu ly hôn, được nuôi dưỡng các con nên quan hệ pháp luật tranh chấp phải giải quyết trong vụ án là "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con" theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự; bị đơn có nơi cư trú tại xã Tà Lài, huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Nguyên đơn có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt nguyên đơn; Tòa án đã triệu tập hợp lệ bị đơn đến lần thứ hai để tham gia phiên tòa nhưng bị đơn vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan. Hội đồng xét xử thống nhất ý kiến, quyết định xét xử vụ án vắng mặt các đương sự theo quy định tại khoản 1 và điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228, 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Quan hệ hôn nhân và gia đình của các đương sự được xác lập năm 2011, đến nay Tòa án đang giải quyết vụ án nên Hội đồng xét xử áp dụng Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 để giải quyết vụ án theo quy định tại Điều 131 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[2] Về nội dung vụ án:

Hôn nhân giữa các đương sự có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật được coi là hôn nhân hợp pháp.

Qua ý kiến trình bày của các đương sự, tài liệu xác minh của Tòa án là chứng cứ chứng minh: Sau khi kết hôn, các đương sự sống hạnh phúc đến năm 2018 thì

phát sinh các mâu thuẫn vợ chồng do bị đơn không chung thủy về tình nghĩa vợ chồng.

Hội đồng xét xử căn cứ các chứng cứ nêu trên, kết luận: Các đương sự đã vi phạm nghiêm trọng về nghĩa vụ thương yêu, giúp đỡ giữa vợ và chồng, vi phạm nghĩa vụ sống chung của vợ chồng, đời sống chung của vợ chồng không được liên tục, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, chấp nhận yêu cầu khởi kiện ly hôn của nguyên đơn là phù hợp Điều 19, 51, khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

- Về trách nhiệm của các đương sự đối với các con là K' Gia K và K' Gia H. Khi các đương sự không sống chung, các con được nguyên đơn nuôi dưỡng đến nay. Nguyên đơn yêu cầu được nuôi dưỡng các con, không yêu cầu bị đơn phải cấp dưỡng nuôi các con.

Như vậy, các con của các đương sự đã sinh sống, cư trú ổn định với nguyên đơn đến nay. Hội đồng xét xử thống nhất ý kiến, giải quyết nguyên đơn là người trực tiếp nuôi dưỡng các con;

Nguyên đơn không yêu cầu bị đơn phải cấp dưỡng nuôi các con, các đương sự không có nợ chung, về tài sản chung không có tranh chấp không có khởi kiện nên Hội đồng xét xử không giải quyết các vấn đề này.

[3] Về án phí: Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu được ly hôn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội; nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 đồng.

[4] Đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa phù hợp với chứng cứ vụ án, các quy định của pháp luật và nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ:

- Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 144, Điều 147, khoản 1 và điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 235, 238, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Điều 39 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

- Điều 51, khoản 1 Điều 56, 81, 82, 83, 131 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Ká Th.

- Về hôn nhân: Bà Ká Th được ly hôn với ông Lâm Văn C

- Về trách nhiệm của các đương sự đối với con chưa thành niên:

Nguyên đơn bà Ká Th là người trực tiếp nuôi dưỡng, trông nom, chăm sóc, giáo dục con là K' Gia K, sinh ngày 09/04/... và K' Gia H, sinh ngày 27/10/... (nguyên đơn không yêu cầu bị đơn phải cấp dưỡng nuôi con);

Sau khi ly hôn, các đương sự có quyền, nghĩa vụ trông nom, chăm sóc nuôi dưỡng, giáo dục con theo quy định của pháp luật và có quyền khởi kiện yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con, nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

- Các đương sự không khởi kiện về tài sản chung, nợ chung nên Hội đồng xét xử không giải quyết.

2. Về án phí: Nguyên đơn bà Ká Th phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm giải quyết tranh chấp hôn nhân và gia đình về ly hôn, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí nguyên đơn đã nộp 300.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 008392 ngày 12/12/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

3. Các đương sự có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày, tính từ ngày nhận được bản án hoặc ngày niêm yết bản án theo quy định của luật./.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND huyện Tân Phú;
- VKSND tỉnh Đồng Nai;
- Chi cục THADS huyện Tân Phú;
- UBND cấp xã nêu trên;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, Lưu trữ cơ quan.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
Võ Kim Đính